*Ngày dạy: 15/9/2023 (tiết 1)*

*18/9/2023 (tiết 2)*

**Toán**

**CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc, viết được các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu).
* Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số và giá trị theo vị trí của mỗi chữ số trong số đó.
* Phát triển các năng lực toán học.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học: Thông qua việc đọc, viết, phân tích cấu tạo thập phân của các số có nhiều chữ số.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 4.
* Bảng phụ ghi các hàng từ trăm triệu đến hàng đơn vị trong đó bỏ trống các ô để HS có thể điền và viết số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV vẽ một tia số, trên tia số có bỏ trống vài số. GV yêu cầu HS ghi các số trong ô trống vào bảng phụ vào giơ bảng nhanh nhất.  Ví dụ:    - GV tuyên dương những HS hoàn thành tốt.  - GV dẫn dắt vào bài học: *“Chúng ta vừa được gợi nhắc lại về số có nhiều chữ số (đến lớp triệu). Cô trò mình sau đây sẽ cùng tiếp tục tìm hiểu kiến thức này trong “****Bài 7: Các số có nhiều chữ số (tiếp theo)****”*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:** Đọc, viết được các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu).  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh:    - GV cho HS quan sát số đã cho 532 187 629 và việc phân tích các chữ số của số đã cho vào từng hàng (phân tích số theo hàng).  - GV yêu cầu HS đọc số: *Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín.*  - GV giới thiệu:  + Lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu:  *Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm hợp thành* ***lớp đơn vị.***  *Hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn hợp thành* ***lớp nghìn.***  *Hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu hợp thành* ***lớp triệu.***  + Quy tắc đọc số có nhiều chữ số:  *Khi đọc số có nhiều chữ số, ta tách số thành từng lớp, lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu, mỗi lớp có ba hàng. Sau đó, dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số thuộc từng lớp để đọc và đọc từ trái sang phải.*  - GV viết một số tùy ý và yêu cầu HS đọc và nêu được số đó gồm các lớp nào, các hàng nào.  Ví dụ: 327 658 412  **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - Đọc, viết các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu).  - Nhận biết giá trị của mỗi chữ số trong số đã cho.  - Đọc, viết số dưới dạng tổng theo từng hàng (dạng khai triển thập phân).  - Đọc bảng số liệu thống kê và trả lời câu hỏi.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Thực hiện (theo mẫu):*  a)    b)    - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện điền số theo yêu cầu.  - GV hướng dẫn HS phân tích mẫu (dạng phân tích số theo hàng).  - GV hướng dẫn:  + Câu a: HS phân tích các chữ số của số đã cho vào từng hàng. Từ đó chọn các chữ số thích hợp để điền vào ?.  + Câu b: HS đọc và viết số đã cho, và làm tương tự câu a.  - GV cho HS đổi chéo vở kiểm tra bài của bạn, hai bạn trình bày kết quả, lớp nhận xét.  - GV chữa bài, lưu ý chữ số 0 ở các hàng.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  a) Đọc các số sau: 48 320 103, 2 600 332, 710 108 280, 8 000 001.  b) Viết các số sau:  - Hai trăm bảy mươi lăm triệu.  - Sáu trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm hai mươi nghìn.  - Chính trăm mười lăm triệu một trăm bốn mươi tư nghìn bốn trăm linh bảy.  - Hai trăm linh bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm.  c) Nêu giá trị của chữ số 3 trong mỗi số ở bảng sau (theo mẫu):    - GV cho HS hoạt động cặp đôi, lần lượt thực hiện các câu.  - GV mời một số HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài.  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu):*  Mẫu: 2 196 245 = 2 000 000 + 100 000 + 90 000 + 6 000 + 200 + 40 + 5  3 195 204, 704 090, 32 000 450, 68 041 071.  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện viết số thành tổng.  - GV hướng dẫn HS phân tích mẫu. HS đọc, viết số thành tổng theo từng hàng (dạng khai triển thập phân).  - GV mời 4 HS lên bảng giải bài, lớp nhận xét.  - GV chữa bài.  ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  *Số liệu điều tra dân số của một số quốc gia tính đến ngày 21 tháng 6 năm 2022 được thống kê trong bảng dưới đây:*   |  |  | | --- | --- | | Quốc gia | Số dân (người) | | Lào | 7 478 294 | | Phi-líp-pin | 112 470 460 | | Việt Nam | 98 932 814 | | Thái Lan | 70 074 776 |   Em hãy đọc và nói cho bạn nghe số dân của mỗi quốc gia trên.  - GV cho HS hoạt động nhóm 2 người, đọc thông tin về số liệu điều tra dân số của một số quốc gia trong bài.  - GV yêu cầu mỗi nhóm đặt câu hỏi cho nhóm khác để chia sẻ thông tin có được khi đọc bảng.  Ví dụ: Dân số Việt Nam là bao nhiêu người?, Trong thống kê ở trên, quốc gia nào đông dân nhất? Ít dân nhất?  - GV nhận xét.  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:** Tìm số có nhiều chữ số dựa trên thông tin cho trước về các hàng trong số đó.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Hoàn thành BT5***  *Trò chơi “****Truy tìm mật mã****”*  Tìm mật mã để mở chiếc két, biết rằng đó là một số có sáu chữ số với những thông tin sau:  - Chữ số hàng trăm nghìn lớn hơn 2 và nhỏ hơn 4.  - Chữ số hàng đơn vị là số lớn nhất có một chữ số.  - Chữ số hàng chục bằng chữ số hàng trăm.  - Chữ số hàng nghìn là 7.  - Chữ số hàng chục là 2.  - Chữ số hàng chục nghìn là 0.    - GV cho HS hoạt động nhóm bàn, thảo luận để tìm ra mật mã.  - GV mời nhóm nào giải nhanh nhất trình bày kết quả.  - GV chữa bài, tuyên dương nhóm chiến thắng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 8 – *Luyện tập* | - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu.  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS lắng nghe, đồng thanh.  + Cá nhân – cặp đôi – đồng thanh.  - HS lắng nghe, ghi vở, tiếp thu kiến thức.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  Trả lời:  *- Số 327 658 412 gồm*  *+ Lớp triệu, lớp nghìn và lớp đơn vị*  *+ Hàng trăm triệu, hàng chục triệu, hàng triệu, hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả: (bảng dưới)  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *a) 48 320 103 đọc là: Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn một trăm linh ba*  *2 600 332 đọc là: Hai triệu sáu trăm nghìn ba trăm ba mươi hai*  *710 108 280 đọc là: Bảy trăm mười triệu một trăm linh tám nghìn hai trăm tám mươi*  *8 000 001 đọc là: Tám triệu không trăm linh một*  *b) - Hai trăm bảy mươi lăm triệu: 275 000 000*  *- Sáu trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm hai mươi nghìn: 641 820 000*  *- Chín trăm mười lăm triệu một trăm bốn mươi tư nghìn bốn trăm linh bảy: 915 144 407*  *- Hai trăm linh bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm: 204 567 200*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *3 195 204 = 3 000 000 + 100 000 + 90 000 + 5 000 + 200 + 4*  *704 090 = 700 000 + 4 000 + 90*  *32 000 450 = 30 000 000 + 2 000 000 + 400 + 50*  *68 041 071 = 60 000 000 + 8 000 000 + 40 000 + 1 000 + 70 + 1*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *Lào có số dân là bảy triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm chín mươi tư người.*  *Phi-líp-pin có số dân là một trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm sáu mươi người.*  *Việt Nam có số dân là chín mươi tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn tám trăm mười bốn người.*  *Thái Lan có số dân là bảy mươi triệu không trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm bảy mươi sáu người.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *+ Chữ số hàng trăm nghìn lớn hơn 2 và nhỏ hơn 4 nên chữ số hàng trăm nghìn là 3.*  *+ Chữ số hàng chục nghìn là 0.*  *+ Chữ số hàng nghìn là 7.*  *+ Chữ số hàng chục bằng chữ số hàng trăm nên chữ số hàng trăm là 2.*  *+ Chữ số hàng chục là 2.*  *+ Chữ số hàng đơn vị là số lớn nhất có một chữ số nên chữ số hàng đơn vị là 9.*  *Vậy mật mã để mở chiếc két là 307 229.*  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................